TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10**/2025/KDTM-ST
Ngày: 27-02-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến và ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1085/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ1.**

Trụ sở: Số B đường N, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Lê Tiến Đ – Phó Giám đốc Quản lý khách hàng khu vực T (Vắng mặt);

2/ Bà Huỳnh Thị Mỹ D – Chuyên viên tố tụng (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Lầu F, A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Theo giấy ủy quyền số 4591/UQ-PVB, ngày 19/8/2024 của Ngân hàng TMCP Đ1.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Nhật M**, sinh năm 1995

Cư trú: Số B đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C1 chứng nhận có số công chứng 7974, ngày 28/11/2024.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

3.2 Bà Phạm Thị Kim L2, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Số B đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.3 Bà Lê Thị Hoàng L3, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

3.4 Cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh năm 2022 (con ruột của L3 và M).

3.5 Em Nguyễn Khải M1, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Số B đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu K: ông M1, chị Lê Thị Hoàng L3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2024 thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 06/7/2022 ông M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 Chi nhánh A – P (gọi tắt là P1) đã ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay số 190/2022/HĐHM/PVB-PGD.LX ngày 06/7/2022 để vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông M1 đã nhận nợ theo các khế ước nhận nợ sau:

1/ Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022: với số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay từ ngày 15/11/2022 đến ngày 14/02/2023 cố định là 13,5%/năm, từ ngày 15/02/2023 đến hết thời hạn vay sẽ bằng lãi suất cho vay + biên độ 4,5%/năm, kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần (trong đó LSCĐ là lãi suất cơ sở ngắn hạn được ngân hàng N từng thời kỳ); mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn kinh doanh; nợ gốc sẽ được trả vào cuối kỳ và nợ lãi sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 tây hằng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2022;

2/ Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023: với số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay từ ngày 06/01/2023 đến ngày 05/4/2023 cố định là 14,5%/năm, từ ngày 05/4/2023 đến hết thời hạn vay sẽ bằng lãi suất cho vay + biên độ 4,5%/năm, kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần (trong đó LSCĐ là lãi suất cơ sở ngắn hạn được ngân hàng N từng thời kỳ); mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn kinh doanh; nợ gốc sẽ được trả vào cuối kỳ và nợ lãi sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 tây hằng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2023;

Đồng thời, ông M1 còn ký với P1 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng; thời hạn thẻ: 36 tháng; dư nợ hiện tại 62.539.318 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim

L2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 168/2021/HĐBĐ/PVB-PGD.LX ký ngày 02/11/2021. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BH114364, số vào sổ GCN: CH 02855, do UBND thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 07/05/2012, cập nhật thay đổi ngày 11/10/2019 cấp cho ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thành phố L, tỉnh An Giang ngày 02/11/2021.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, ông M1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, P1 đã gửi thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông M1 trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho P1 xử lý theo đúng quy định nhưng ông không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Đến nay, ông M1 đã thanh toán cho P1 số tiền cụ thể như sau: Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022 thanh toán được 38.214.239 đồng tiền lãi; Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 thanh toán được 20.014.473 đồng tiền lãi.

Dư nợ tạm tính đến ngày 15/05/2024 cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022 là 1.262.193.578 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và nợ lãi là 262.193.578 đồng;

- Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 là 1.252.697.697 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và nợ lãi là 252.697.697 đồng;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 là 62.539.318 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của P1, P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông M1 thanh toán cho P1 tổng số tiền 2.577.430.593 đồng, bao gồm 2.000.000.000 đồng nợ gốc và 514.891.275 đồng nợ lãi và 62.539.318 đồng nợ thẻ tín dụng (Tạm tính đến ngày 15/5/2024);

2/ Ông M1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 16/5/2024 theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số 190/2022/HĐHM/PVB-PGD.LX ngày 06/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 cho đến khi ông M1 thanh toán xong các khoản nợ;

3/ Nếu ông M1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 sẽ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 168/2021/HĐBĐ/PVB-PGD.LX ký ngày 02/11/2021 để đảm bảo khoản vay của ông M1;

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông M1 đối với P1. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông M1 vẫn phải có

nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M1 thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2025 như sau:

Thống nhất về việc có ký hợp đồng tín dụng, nợ các khoản gốc, lãi như ngân hàng trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của phía ngân hàng: bị đơn đề nghị sẽ giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý nợ sau khi bán tài sản thế chấp nếu số tiền bán tài sản sau khi thanh toán còn dư thì phía ngân hàng trả lại cho người có tài sản; trường hợp nếu tài sản thế chấp không đủ trả thì cũng coi như đã tất toán nợ cho ngân hàng, bị đơn không còn nghĩa vụ trả nợ tiếp cho ngân hàng nữa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L1, bà Phạm Thị Kim L2, bày Lê Thị Hoàng L3 và em Nguyễn Khải M1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa ngày 27/02/2025:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

1/ Buộc ông M1 thanh toán cho P1 tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2025 là 2.875.465.692 đồng, bao gồm 2.000.000.000 đồng nợ gốc và 875.465.692 đồng nợ lãi và 85.707.395 đồng nợ thẻ tín dụng.

2/ Ông M1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 28/02/2025 theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số 190/2022/HĐHM/PVB-PGD.LX ngày 06/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 cho đến khi ông M1 thanh toán xong các khoản nợ;

3/ Nếu ông M1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P1 sẽ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 168/2021/HĐBĐ/PVB-PGD.LX ký ngày 02/11/2021 để đảm bảo khoản vay của ông M1;

4/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông M1 đối với P1. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông M1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P1.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M1 trình bày ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong trường hợp nếu ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm nhưng vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ thì coi như ông M1 không còn nghĩa vụ nợ; đồng thời quá trình vay tiền thì ngân hàng có tư vấn ông M1 mua bảo hiểm. Do đó ông cũng đề nghị nếu tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán thì yêu cầu bảo hiểm xem xét quyền lợi của ông M1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Đ1 khởi kiện yêu cầu ông M1 trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng, xem xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Ông M1 có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông M1 là chủ thể có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8036286, do Phòng Tài chính và Kế hoạch thành phố L cấp. Ông M1 vay vốn tại các hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ngân hàng ủy quyền cho bà D, ông Đ; ông M1 ủy quyền cho ông H. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà D, ông Đ tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đ1; ông H tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông M1 theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Ông L1, bà L2, bà L3, em Khải M1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng

Dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông L1, bà L2, bà L3, em Khải M1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng hạn mức cho vay số 190/2022/HĐHM/PVB-PGD.LX ngày 06/7/2022 ký giữa ông M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A – P để cho ông M1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022 và ngày 06/01/2023. Đồng thời, ngân hàng còn căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 để cấp cho ông M1 một thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền vay đối với số tiền:

- 1.000.000.000 đồng ông M1 nhận theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022 thì ông M1 chỉ mới trả được 46.862 đồng tiền lãi trong hạn; 38.090.124 đồng tiền lãi quá hạn và 77.253 đồng tiền lãi chậm trả.

- 1.000.000.000 đồng ông M1 nhận theo Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 thì ông M1 chỉ mới trả được 19.913.888 đồng tiền lãi trong hạn và 100.585 đồng tiền lãi chậm trả.

- Riêng khoản vay thẻ tín dụng: Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 16/6/2023 thì ông M1 ngưng giao dịch và cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông M1 thừa nhận còn nợ tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày. Ông M1 đồng ý trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn yêu cầu buộc ông M1 có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi (gồm lãi trong hạn và quá hạn), lãi phạt chậm trả và tiếp tục chịu lãi phát sinh của ngân hàng phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 168/2021/HĐBĐ/PVB-PGD.LX ký ngày 02/11/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A – P với ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2, được Phòng C chứng nhận có số công chứng 1943, ngày 02/11/2021 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ2 chi nhánh L, ngày 02/11/2021.

Tại thời điểm hai bên giao kết hợp đồng thế chấp Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực thi hành. Hợp đồng thế chấp giữa hai bên được công chứng và đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 167 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, nên yêu cầu duy trì đối với hợp đồng thế chấp này của ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp ông M1 không thanh toán được nợ gốc và lãi thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên tài sản đã thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông M1 theo quy định tại tại Điều 299 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số:

BH114364, số vào sổ GCN: CH 02855, do UBND thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 07/05/2012, cho ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2.

Trường hợp ông M1 thanh toán đủ nợ gốc và lãi thì ngân hàng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận nêu trên cho ông L1, bà L2.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông M1 đối với P1. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông M1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P1. Yêu cầu này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Đề nghị khi xử lý tài sản không đủ thì xem như ông M1 không còn nghĩa vụ với ngân hàng. Phía ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét; đối với các quyền lợi, nghĩa vụ của ông M1 liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Đối với những người đang cư trú trên đất: Bà L3, em Khải M1, cháu Thiên Kim C là người đang cư trú trên tài sản thế chấp, không phải là chủ sở hữu tài sản; cũng không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.200.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự bị đơn phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã tạm ứng nên ông M1 có nghĩa vụ hoàn lại 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 157, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 299, 317, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 3 Điều 167 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1:

[1.1] Buộc ông Nguyễn Nhật M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 2.961.173.087 (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng) còn nợ theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 190/2022/HĐHM/PVB-PGD.LX ngày 06/7/2022 ký giữa ông M và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 Chi nhánh A – P và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021. Bao gồm:

- Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2022 là 1.441.664.172 đồng trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và nợ lãi là 441.664.172 đồng;

- Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 là 1433.801.520 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và nợ lãi là 433.801.520 đồng;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 là 85.707.395 đồng, trong đó nợ gốc là 47.349.421 đồng và lãi là 38.357.974 đồng.

Kể từ ngày 28/02/2025 ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[1.2] Trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP Đ1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên tài sản đã thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 168/2021/HĐBĐ/PVB-PGD.LX ký ngày 02/11/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A – P với ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2, được Phòng C chứng nhận có số công chứng 1943, ngày 02/11/2021 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ2 chi nhánh L, ngày 02/11/2021. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được UBND thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BH114364, số vào sổ GCN: CH 02855, ngày 07/05/2012 cho ông Nguyễn Thanh L1 và bà Phạm Thị Kim L2.

Trường hợp ông M thanh toán đủ nợ gốc và lãi thì ngân hàng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận nêu trên cho ông L1, bà L2.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông M có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M phải nộp 91.223.000 đồng (Chín mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ1 được nhận lại 41.774.000 (Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001563, ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ1, ông Nguyễn Nhật M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh L1, bà Phạm Thị Kim L2, bà Lê Thị Hoàng L3, em Nguyễn Khải M1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu